TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HSST
Ngày: 14-10-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lò Văn Ơn
2. Ông: Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14/10/2020, tại phòng xét xử 1, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 222/2020/HSST ngày 28/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2020/QĐXXST-HS ngày 11/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST - HS ngày 25/9/2020 đối với bị cáo:

Họ tên: Nguyễn Xuân Th; tên gọi khác: Không; SN: 1993; tại: Hưng Hà, Thái Bình; Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân Th và bà: Nguyễn Thị V; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào; bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 133/2020/HSST ngày 04/9/2020. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/6/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn Nh; SN: 1987; địa chỉ: Thôn 1, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trịnh Tiến Tr; SN: 1977; Địa chỉ: Thôn Duyên Long, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Anh Nh, anh Tr vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 10/4/2020, Nguyễn Xuân Th đến nhà anh Nguyễn Văn Nh hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 27B1-298.28 của N để đi có việc và hẹn sẽ trả trong ngày. Do quen biết với Th từ trước nên N tin tưởng đã giao xe mô tô 27B1-298.28 cho Th, trong cốp xe có 01 Chứng minh thư nhân dân; 01 Giấy phép lái xe hạng A1; 01 Đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 27B1-298.28; 01 Bảo hiểm trách nhiệm dân sự; 02 thẻ ATM đều mang tên Nguyễn Văn Nh. Sau khi mượn được xe, do muốn có tiền chi tiêu thỏa mãn nhu cầu cá nhân, Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã điều khiển xe đến cửa hàng của Trịnh Tiến Tr cầm đồ lấy tiền. Khi đến cửa hàng của Trịnh Tiến Tr, để tạo sự tin tưởng và ký kết hợp đồng cầm đồ Th tự nhận là Nguyễn Văn Nh đồng thời sử dụng giấy tờ gồm chứng minh thư nhân dân và giấy phép lái xe (bản phô tô) cùng đăng ký xe (bản gốc) của N cầm cố xe mô tô lấy 15.000.000 đồng và hẹn sẽ trả trong ngày 10/4/2020. Số tiền cầm cố xe, Th đã sử dụng chơi điện tử và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 11/4/2020, anh Nh và anh Tr đều liên lạc với Th để yêu cầu Th trả lại xe và số tiền đã cầm cố nhưng do không có khả năng trả lại số tiền và tài sản trên nên Th đã bỏ trốn về thành phố Hà Nội nhằm trốn tránh việc trả lại tài sản. Đối với các giấy tờ của anh Nh gồm 01 Chứng minh thư nhân dân, 01 Bảo hiểm trách nhiệm dân sự và 02 thẻ ATM, Th đã gửi trả lại cho anh Nh vào ngày 12/4/2020. Sau khi về Hà Nội, Nguyễn Xuân Th tiếp tục vi phạm pháp luật và ngày 12/6/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội khởi tố về các tội Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐG ngày 20/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADEFI màu đen; biển kiểm soát 27B1-298.28, có giá trị là 20.595.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân Th một lần nữa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có ý kiến giữ nguyên các lời khai tại cơ quan điều tra. Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo trả số tiền 15.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự bị hại đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 215/CT-VKSĐB ngày 25/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Th về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật

hình sự. Tại phiên tòa trong lời luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, áp dụng Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Tr số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng, không có ý kiến tự bào chữa cũng như không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về bản Luận tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Do có quen biết với anh Nguyễn Văn Nh ngày 10/4/2020, Nguyễn Xuân Th đến nhà anh Nh hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 27B1-298.28 của N để đi có việc và hẹn sẽ trả trong ngày. Sau khi mượn được xe, Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mang xe mô tô đến cửa hàng của Trịnh Tiến Tr cầm cố lấy số tiền 15.000.000 đồng, do không có khả năng trả lại số tiền và tài sản trên nên Th đã bỏ trốn về thành phố Hà Nội nhằm trốn tránh việc trả lại tài sản. Hành vi chiếm đoạt của bị cáo đã hoàn thành, giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt được là: 20.595.000 đồng. Với hành vi và giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt thì bị cáo đã phạm vào tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của bị cáo.

[2]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Điện Biên nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy

với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 20.595.000 đồng nên cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 133/2020/HSST ngày 04/9/2020. Tuy nhiên bản án này bị Viện kiểm sát thành phố Hà Nội kháng nghị nên Hội đồng xét xử không thực hiện việc cộng hình phạt của 02 bản án đối với bị cáo.

[4]. Về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đều hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000 đ theo quy định tại Khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự. Qua xác minh tại xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo đăng ký hộ khẩu thường trú bị cáo không có tài sản gì, hiện sống phụ thuộc vào bố mẹ nên không có khả năng thi hành do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và việc xử lý vật chứng:

[6.1]. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được Cơ quan Điều tra thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2]. Anh Trịnh Tiến Tr là người đã cho Th cầm cố xe mô tô, nhưng không biết đó là tài sản phạm pháp, giao dịch dân sự giữa anh Tr và bị cáo là vô hiệu do bị lừa dối vì vậy theo quy định tại Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận việc anh Tr yêu cầu bị cáo hoàn trả cho anh Tr số tiền 15.000.000 đòng.

[6.3]. Vật chứng của vụ án là tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Anh Trịnh Tiến Tr nhận cầm cố xe mô tô, nhưng không biết đó là tài sản phạm pháp nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Tr.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu các loại án phí sau:

[8.1]. Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng

[8.2.]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo phải trả cho anh Tr số tiền 15.000.000 đồng nên số tiền án phí bị cáo phải chịu là: 750.000 đồng (15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân Th phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Th 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 04/6/2020.

4. Về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 127, Điều 131, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015

- Bị hại không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc bồi thường.
- Buộc bị cáo trả cho anh Trịnh Tiến Tr số tiền: 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Tr có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/10/2020). Anh Nh có quyền kháng cáo bản án, anh Tr có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự biết: Trong tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân

sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. Điện Biên;
- VKSND h. Điện Biên; VKSND tỉnh ĐB;
- CQĐT + Nhà tạm giam, giữ h. Điện Biên;
- Bộ phận HSNV Công an h. Điện Biên
- Sở Tư pháp t. Điện Biên +THA H.Sự;
- Chi cục THADS h. Điện Biên;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQL,NCLQ
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Thu Hương